

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2022

V/v: Chị Phạm Thị L xin ly hôn
anh Đỗ Phúc C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiền.

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VT, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký tạm trú: Thôn T, xã TS, huyện TT, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty CP sản xuất hàng thể thao, chi nhánh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- Bị đơn: Anh **Đỗ Phúc C**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn VT, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:***

Chị và anh Đỗ Phúc C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, vì thương con, chị đã cố gắng nín nhịn, chịu đựng nhưng đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn thực sự căng thẳng. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh C không chịu đi làm, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, chị sinh con một bé (con gái), anh C muốn có con trai nên công khai quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, chị góp ý, anh C không nghe, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã. Tháng 4 năm 2020, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh C không đi tìm chị về, anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị xin ly hôn anh C.

Chị và anh Đỗ Phúc C có hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015, hiện ở cùng anh C và ông bà nội. Ly hôn, vì chị làm công nhân, đi sớm về muộn, không có điều kiện chăm con, đưa đón con đi học, do vậy, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con chung cùng anh C số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng/02 con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi các con chung thành niên. Việc anh C nuôi con có sự quan tâm, hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh C. Hiện chị làm công nhân, mức thu nhập bình quân từ 06 triệu đến 08 triệu/01 tháng.

Chị và anh Đỗ Phúc C không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Do công việc cuối năm bận, chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải giữa chị và anh C và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Chị tự nguyện chịu cả 300.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05 tháng 01 năm 2022 và các đơn đề nghị, bị đơn anh Đỗ Phúc C trình bày:***

Anh và chị Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 11 năm 2011 tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị về sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì chị L nhắn tin cho anh với nội dung “Em đi rồi, anh đừng tìm em nữa” rồi thu xếp quần áo, hành lý bỏ đi. Về lý do tại sao chị L bỏ đi, anh và gia đình không biết. Từ khi bỏ đi đến nay, chị L có về qua nhà được 06 lần, còn lại không có bất kỳ liên lạc gì với anh. Nay chị L xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, anh đồng ý ly hôn với chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh và chị Phạm Thị L có hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015, hiện đang ở cùng anh, được anh và bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung theo quy định của pháp luật, anh không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể. Hiện anh làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/01 tháng.

Anh và chị Phạm Thị L không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Do vào dịp cuối năm, công việc của anh bận, anh đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải giữa anh và chị L, xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 05 tháng 01 năm 2022, cháu Đỗ Khánh H trình bày:***

Bố đẻ cháu là Đỗ Phúc C. Mẹ đẻ cháu là Phạm Thị L. Hiện cháu đang ở với bố và ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở cùng bố.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05 tháng 01 năm 2022, ông Đỗ Xuân L và bà Lê Thị I (bố mẹ đẻ anh Đỗ Phúc C) trình bày:***

Chị L, anh C kết hôn với nhau vào năm 2011. Sau kết hôn anh chị về sống cùng nhà với ông bà. Quá trình chung sống giữa anh chị, theo ông bà là hạnh phúc, nếu có chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, không đến mức trầm trọng. Tháng 4 năm 2020, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện TT, tỉnh Thái Bình ở. Lý do tại sao chị L bỏ đi, anh C và ông bà không biết. Từ đó đến nay, chị L bỏ mặc, không đoái hoài gì đến chồng con. Nay chị L xin ly hôn anh C, về phía gia đình đồng ý cho anh chị ly hôn.

Chị L, anh C có hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015, hiện đang ở cùng anh C và ông bà. Nay anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung H, Kim A cho anh C nuôi dưỡng, ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, nuôi dạy con.

Chị L, anh C không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến ông bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 05 tháng 01 năm 2022, đại diện UBND xã VV và đại diện Công an xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh C hiện đang cư trú tại thôn VT, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh C và chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2011, quyển số 01/2011, ngày 17 tháng 11 năm 2011. Sau kết hôn anh chị chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh C. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay chị L không sinh sống tại địa phương. Anh C, chị L có hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh năm 2015, đang ở cùng anh C và ông bà nội. Nay chị L xin ly hôn anh C, về hôn nhân và về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị không có nợ chung tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị L được ly hôn anh C. Giao hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị L phải chịu án phí ly hôn, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Phúc C, anh C có nơi cư trú tại thôn VT, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị L, anh Đỗ Phúc C đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo trình tự vắng mặt anh C và tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị L, anh C theo quy định tại khoản 4 Điều 207, các Điều 208, 209, 210, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Phúc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyền số 01/2011, ngày 17 tháng 11 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa anh chị là có. Theo chị L, nguyên nhân chính

dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm, anh C không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác. Theo anh C, sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tháng 4 năm 2020 anh không hiểu lý do gì chị L tự ý bỏ đi, không sống tại nhà anh nữa và cũng không có bất kỳ liên lạc gì với anh, tuy nhiên, anh cũng không tìm hiểu nguyên nhân, không đi tìm chị L về, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tại Tòa án, anh chị đều xác định tình cảm không còn, chị L xin ly hôn, anh C đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị L và anh C.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Phúc C có hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015. Ly hôn, chị L đề nghị giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con cùng anh C số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi con thành niên; về phía anh C có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, về cấp dưỡng cho con, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy, các con chung của anh chị hiện đang ở cùng anh C cuộc sống ổn định, việc anh C nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh C, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận đề nghị của chị L, anh C, giao con H, con Kim A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, xét về công việc và mức thu nhập bình quân của anh chị, cần chấp nhận mức cấp dưỡng theo đề nghị của chị L, số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Phúc C không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị L phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, số tiền là 300.000 đồng.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, anh Đỗ Phúc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Phúc C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Đỗ Phúc C trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Khánh H, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2013 và Đỗ Phạm Kim A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2015. Chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cùng anh Đỗ Phúc C, số tiền là 1.000.000 đồng (bằng chữ: Một triệu đồng)/01 tháng (bằng chữ: Một tháng)/01 con (bằng chữ: Một con). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Chị Phạm Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị L, anh Đỗ Phúc C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chuyển số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000937 đề ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V,

tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị L còn phải nộp số tiền án phí còn lại là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Phúc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 48/2011, quyền số 01/2011, ngày 17 tháng 11 năm 2011);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

